

Số: 278/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 14 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 688/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T., sinh năm 1969;

Bị đơn: Ông Ngô Văn D., sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Số 15/7A Đường X, Khu phố 1, phường Q, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, các Điều 55, Điều 57 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Huỳnh Thị Thanh T. và ông Ngô Văn D..

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh T. và ông Ngô Văn D. thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận ký kết hôn số 67, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/11/1992).

Về con chung: vợ chồng có 02 (Hai) con chung họ, tên: Ngô Minh C. (Nam), sinh ngày 29/3/1994 (đã trưởng thành) và Ngô Minh T. (Nam), sinh ngày 20/9/1995 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Các đương sự cam kết tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh T. tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0041803 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho bà Tuyền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND Phường X, Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (TK. Sang)

THẨM PHÁN

Đoàn Hồng Phúc